

Số: 26/BC-TTYT

Giang Thành, ngày 05 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả tự kiểm tra, đánh giá điểm Hệ y tế Dự phòng

Thực hiện Kế hoạch số 71/KH-SYT ngày 01/04/2025 của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang về việc kiểm tra hệ y tế dự phòng;

Nay Trung tâm Y tế huyện Giang Thành báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ y tế Dự phòng (số liệu tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024), cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

1. KIỂM SOÁT BỆNH TRUYỀN NHIỄM VÀ HIV/AIDS: 12.5/14 điểm

1.1. Kiểm soát bệnh truyền nhiễm: 6.5/7.5 điểm

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm hằng năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 2:

+ Triển khai các hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở Y tế và các đơn vị liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát các trạm Y tế và các cơ quan liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 3:

+ Thực hiện giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1 điểm.**

+ Thực hiện trực dịch, chủ động giám sát ca bệnh tại các cơ sở điều trị. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

+ Thực hiện tổng hợp số liệu giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu bệnh truyền nhiễm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Thực hiện giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Theo dõi, đánh giá tình hình dịch bệnh và cung cấp, phản hồi thông tin bệnh truyền nhiễm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 4:

+ Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1.5 điểm.**

+ Các ổ dịch lưu hành được quản lý, giám sát và xử lý theo đúng qui định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Các ổ dịch mới được điều tra và xử lý theo đúng quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Có Đội cơ động phòng chống dịch và đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị để chống dịch. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Có đủ năng lực thực hiện khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh theo yêu cầu. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 5:

+ Phối hợp với các ngành/đơn vị liên quan để chủ động phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.75 điểm.**

+ Phối hợp liên ngành Y tế - Thú y theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27/5/2013. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

+ Phối hợp liên ngành Y tế với các ban ngành khác trong công tác phòng chống dịch bệnh (Chương trình cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh). Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- Tiêu chuẩn 6:

+ Triển khai các hoạt động truyền thông nguy cơ, truyền thông giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi cho người dân và cộng đồng về phòng chống bệnh truyền nhiễm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Xây dựng tài liệu/nội dung truyền thông. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

+ Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- Tiêu chuẩn 7:

+ Thực hiện quy chế phát ngôn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và xử lý khủng hoảng thông tin. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

+ Có quy chế phát ngôn. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

+ Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin về tình hình dịch bệnh, xử lý khủng hoảng thông tin. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- Tiêu chuẩn 8: Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.75 điểm**

- Tiêu chuẩn 9: Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra hàng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 10:** Thực hiện thống kê, báo cáo tình hình bệnh dịch truyền nhiễm trên địa bàn theo quy định về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh dịch truyền nhiễm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

1.2. Phòng, chống HIV/AIDS: 2.5/2.5 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng kế hoạch phòng chống HIV/AIDS năm; Kế hoạch triển khai Tháng dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; Kế hoạch triển khai Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 2:** Thực hiện thống kê, báo cáo, quản lý người nhiễm HIV trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Quản lý, theo dõi bệnh nhân điều trị HIV/AIDS; điều trị Methadone. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Triển khai chương trình can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Triển khai chương trình Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

1.3. Quản lý vắc xin và tiêm chủng: 3.5/4 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng đầy đủ kế hoạch các hoạt động về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh hằng năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 2:

+ Thực hiện tiêm chủng đầy đủ trên địa bàn theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.75 điểm.**

+ Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B 24h sau sinh qui mô huyện trong toàn tỉnh > 70% trong năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Không có thôn, bản, ấp trắng về tiêm chủng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 3:

+ Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Các cơ sở tiêm chủng được kiểm tra, giám sát hằng năm theo phân cấp. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm.**

+ Đạt chỉ tiêu giám sát liệt mềm cấp >1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi qui mô tỉnh trong năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Đạt chỉ tiêu giám sát sốt phát ban nghi sởi/bệnh sởi theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Đạt chỉ tiêu giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

- Tiêu chuẩn 4:

+ Tiếp nhận, bảo quản và cung cấp vắc xin, sinh phẩm và vật tư tiêm chủng theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Vắc xin, sinh phẩm được tiếp nhận, bảo quản theo đúng quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Bảo đảm cung ứng đầy đủ số lượng, chủng loại và chất lượng của vắc xin tiêm chủng mở rộng và dịch vụ theo kế hoạch. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 5:

+ Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.75 điểm.**

+ Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Quản lý đầy đủ các địa điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn. Quản lý dữ liệu tiêm chủng đến qui mô xã/phường đầy đủ trong năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Đảm bảo an toàn tiêm chủng, giám sát và xử lý các phản ứng sau tiêm chủng đầy đủ theo qui định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 6:

+ Triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, thay đổi nhận thức, hành vi cho người dân và cộng đồng về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Xây dựng tài liệu/nội dung truyền thông. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông cho cộng đồng nâng cao nhận thức về tiêm chủng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 7:

+ Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ làm công tác tiêm chủng trên địa bàn, các cơ sở tiêm chủng đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Tập huấn về chuyên môn tiêm chủng hằng năm, 100% cơ sở tiêm chủng được thẩm định đủ điều kiện tiêm chủng theo qui định. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

+ Cấp và gia hạn giấy chứng nhận tiêm chủng cho các đối tượng và cơ sở tiêm chủng được tập huấn. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- Tiêu chuẩn 8: Thực hiện đầy đủ thông tin báo cáo trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng dịch vụ, bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, quản lý vắc xin - vật tư tiêm chủng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

2. Y TẾ CÔNG CỘNG VÀ DINH DƯỠNG: 28.15/33.5 Điểm

2.1. Kiểm soát bệnh không lây nhiễm: 7/7 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 2:** Chỉ đạo/hướng dẫn/điều phối triển khai các hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh về:

+ Phòng chống yếu tố nguy cơ (dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực, hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia). Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Quản lý điều trị BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Giám sát BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Giám sát việc triển khai hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến huyện, xã về kiểm soát BKLN:

+ Sản xuất, nhân bản tài liệu về giám sát và phòng chống YTNC và BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về truyền thông, tư vấn phòng chống yếu tố nguy cơ. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị các BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về giám sát tử vong và thống kê, báo cáo. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Phối hợp liên ngành với các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 6:**

+ Triển khai các hoạt động phòng chống yếu tố nguy cơ và BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1.5 điểm.**

+ Truyền thông vận động đối với các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể về phòng chống YTNC và BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Truyền thông cho cộng đồng về: Tác hại thuốc lá; Tác hại rượu, bia; Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý; Tăng cường hoạt động thể lực. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông theo chủ đề trong phòng chống BKLN: Bệnh đái tháo đường; Tăng huyết áp; Bệnh ung thư; Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật tuyến dưới thực hiện các dịch vụ về phát hiện sớm, tư vấn, quản lý điều trị BKLN tại cộng đồng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Phối hợp với các khoa/phòng có liên quan của Trung tâm sàng lọc cơ hội nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu tiền bệnh, mắc BKLN trong các đợt khám sức khoẻ học sinh, người lao động. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 7:

+ Thống kê, báo cáo và giám sát BKLN. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1 điểm.**

+ Điều tra/tham gia điều tra, quản lý thông tin về yếu tố nguy cơ của BKLN trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm.**

+ Thu thập, quản lý số liệu tử vong trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm.**

+ Thu thập, quản lý số liệu về tình hình mắc các BKLN trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm.**

+ Thu thập, quản lý số liệu về khả năng đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm.**

+ Báo cáo tổng hợp về thực trạng YTNC và BKLN trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm.**

- Tiêu chuẩn 8: Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về kiểm soát BKLN của địa phương. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **1 điểm.**

2.2. Phòng, chống Lao: 1.5/1.5 điểm

- Tiêu chuẩn 1: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Lao trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 2: Thực hiện khám phát hiện bệnh lao theo chỉ tiêu giao của chương trình chống Lao quốc gia. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 3: Thực hiện khám phát hiện bệnh lao theo chỉ tiêu giao của chương trình chống Lao quốc gia. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

2.3. Phòng, chống Tâm thần phân liệt, động kinh: 1.5/1.5 điểm.

- Tiêu chuẩn 1: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Tâm thần phân liệt, động kinh trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 2: Thực hiện khám phát hiện bệnh lao theo chỉ tiêu giao của chương trình chống Tâm thần phân liệt, động kinh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 3: Thực hiện khám phát hiện bệnh lao theo chỉ tiêu giao của chương trình chống Tâm thần phân liệt, động kinh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

2.4. Phòng, chống bệnh Phong, bệnh da, bệnh lây truyền qua đường tình dục: 1.5/1.5 điểm

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Phong, bệnh da, bệnh lây truyền qua đường tình dục trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 2:** Tổ chức quản lý, điều trị bệnh Phong, bệnh da liễu trên địa bàn phụ trách. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 3:** Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc chống Phong theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

2.5. Phòng, chống mù lòa: 0/1.5 điểm.

Không đáp ứng. Điểm tự chấm: 0 điểm.

2.6. Dinh dưỡng: 3.35/4 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng đầy đủ các kế hoạch về hoạt động dinh dưỡng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm**

- **Tiêu chuẩn 2:** Chỉ đạo triển khai các hoạt động về dinh dưỡng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm**

- **Tiêu chuẩn 3:** Phối hợp liên ngành/đơn vị liên quan để chủ động triển khai các hoạt động về dinh dưỡng: Chiến dịch Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng (ngày vi chất dinh dưỡng, tổ chức uống vitamin A, sử dụng muối iot....) và Tuần lễ dinh dưỡng phát triển hàng năm; Triển khai các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, an ninh thực phẩm, các mô hình về dinh dưỡng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**

- **Tiêu chuẩn 4:** Triển khai hệ thống giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn: Giám sát tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em; Giám sát tình trạng thừa cân béo phì ở học sinh và các đối tượng khác; Giám sát về tiêu thụ thực phẩm (bao gồm cả tiêu thụ muối, rau quả, rượu bia ...) và các mối nguy về an toàn thực phẩm (điều tra 30 cụm). Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**

- **Tiêu chuẩn 5:** Thực hiện đánh giá và theo dõi, xử trí về tình trạng dinh dưỡng khẩn cấp của trẻ em và bà mẹ có thai và các đối tượng nguy cơ cao tại những nơi bị thiên tai, thảm họa và dịch bệnh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm**

- **Tiêu chuẩn 6:** Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dinh dưỡng ở tuyến cơ sở. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**

- **Tiêu chuẩn 7:** Triển khai các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông dinh dưỡng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm**

- **Tiêu chuẩn 8:** Hoàn thành được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về dinh dưỡng của địa phương đã đề ra:

+ Giảm suy dinh dưỡng trẻ em. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm**

+ Cải thiện bữa ăn. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

+ Kiểm soát thừa cân béo phì và rối loạn chuyển hóa cholesterol máu, gluco máu. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

+ Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.2 điểm**

+ Nâng cao năng lực mạng lưới cán bộ làm dinh dưỡng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 9:** Thực hiện thống kê báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

2.7. Hoạt động sức khỏe môi trường: 3.3/4 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường hàng năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 2:

+ Kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt của các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

+ Quản lý cơ sở cấp nước ăn uống và sinh hoạt trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá vệ sinh nguồn nước ăn uống, sinh hoạt tại cơ sở cấp nước và hộ gia đình theo quy định. Kiểm tra giám sát chất lượng nước trong sự cố kỹ thuật và thiên tai. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- Tiêu chuẩn 3:

+ Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Hoàn thành mục tiêu của Chương trình MTQG. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.05 điểm.**

+ Chưa đạt mục tiêu của Chương trình MTQG nhưng tỷ lệ sử dụng nước sạch tăng so với năm trước (số tăng chiếm $\geq 10\%$ tổng số). Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Chưa đạt mục tiêu của Chương trình MTQG nhưng tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh tăng so với năm trước (số tăng chiếm $\geq 10\%$ tổng số). Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

- Tiêu chuẩn 4:

+ Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường của các bệnh viện và các cơ sở y tế khác trên địa bàn; Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

+ Quản lý các cơ sở y tế trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.05 điểm.**

+ Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**

+ Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường, xử lý khắc phục... của các bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn theo phân cấp. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**

- Tiêu chuẩn 5:

+ Quản lý thông tin, dữ liệu về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm như khu công nghiệp, các làng nghề, các vùng có nguy cơ ảnh hưởng nhiều do thiên tai... Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

+ Xác định và phân vùng các khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Xác định và phân vùng các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Giám sát và đánh giá các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe người dân tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các vùng chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

- Tiêu chuẩn 6:

+ Tham gia điều tra, hướng dẫn xử lý và báo cáo kịp thời theo quy định về các sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...). Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**

+ Có các kế hoạch ứng phó trong sự cố sức khỏe môi trường. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Tham gia hướng dẫn xử lý các sự cố sức khỏe môi trường. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

+ Tham gia điều tra, giám sát, báo cáo các trường hợp sự cố sức khỏe môi trường. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.1 điểm.**

- Tiêu chuẩn 7: Tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa.... Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- Tiêu chuẩn 8: Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực sức khỏe môi trường cho tuyến dưới. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- Tiêu chuẩn 9: Triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- Tiêu chuẩn 10: Triển khai thực hiện các phong trào vệ sinh phòng bệnh, làng văn hóa sức khỏe và các phong trào liên quan khác do ngành và địa phương phát động. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- Tiêu chuẩn 11: Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về sức khỏe môi trường của địa phương. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- Tiêu chuẩn 12: Thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

2.8. Sức khỏe trường học: 3/3 điểm.

- Tiêu chuẩn 1: Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hàng năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- Tiêu chuẩn 2: Phối hợp với phòng giáo dục và đào tạo để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Hướng dẫn, hỗ trợ công tác giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Triển khai khám chuyên khoa, phát hiện, chẩn đoán, điều trị các bệnh tật cho học sinh. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 6:** Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.3 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 7:** Phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục, truyền thông trên địa bàn để chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ về phòng chống dịch bệnh, bệnh tật lứa tuổi học đường. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 8:** Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 9:** Thực hiện thống kê, báo cáo về công tác y tế trường học theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

2.9. Sức khỏe nghề nghiệp: 5/5.5 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp hằng năm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 2:** Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Kiểm tra, giám sát việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Quản lý thông tin, dữ liệu về tình hình sử dụng các hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động trong danh mục, hướng dẫn xử lý ban đầu khi bị nhiễm độc. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 6:** Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, phát hiện nguy cơ sức khỏe, bệnh tật (bệnh nghề nghiệp, bệnh

KLN...). Triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động. Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động. Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 7:** Phối hợp với ngành lao động thương binh xã hội quản lý, theo dõi việc thực hiện các chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe, điều trị và phục hồi chức năng lao động cho người lao động đã được xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 8:** Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 9:** Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng công tác trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp và các đối tượng liên quan trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 10:** Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 11:** Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

2.10. Phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng: 2/4 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 2:** Chỉ đạo triển khai các hoạt động phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 3:** Thực hiện giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh Sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình hình sốt rét của địa phương. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 4:** Quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch/vụ dịch sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 5:** Triển khai các biện pháp phòng chống véc tơ, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng tại các vùng nguy cơ cao theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 6:** Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe về công tác phòng chống bệnh sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 7:** Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 8:** Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng của địa phương. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 9:** Thực hiện tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.25 điểm.**

3. VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM: 3/3 Điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Hoạt động của Ban chỉ đạo VSATTP. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 2:** Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm, Tháng hành động. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Phối hợp liên ngành. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn VSATTP. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Công tác xử lý, điều tra, thống kê và báo cáo NĐTP. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 6:** Công tác xét nghiệm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

4. CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN: 3.5/3.5 Điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Có kế hoạch hoạt động của khoa, phòng tháng, quý, năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 2:** Có đầy đủ sổ sách quản lý các chỉ số về CSSKSS và đánh giá thực trạng sức khỏe sinh sản trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 3:** Xây dựng và hoàn thành tốt kế hoạch giám sát và hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với y tế tuyến xã, thực hiện theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ CSSKSS. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 4:** Có kế hoạch và thực hiện chuyển giao việc cung cấp dịch vụ KHHGĐ, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản cho tuyến dưới. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 5:** Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ KHHGĐ, phòng chống các nhiễm khuẩn đường sinh sản cho người dân ngay tại trung tâm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 6:** Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án về CSSKSS, phòng chống SDD trẻ em trên địa bàn. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

- **Tiêu chuẩn 7:** Thực hiện nghiêm túc báo cáo, thống kê theo đúng quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm.**

5. XÉT NGHIỆM: 3.5/3.5 Điểm.

5.1. Năng lực xét nghiệm: 2.5/2.5 điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Thực hiện lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm đúng quy trình. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 2:** Thực hiện được 100% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Danh mục đăng ký) và có giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 3:** Thực hiện được 70% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Danh mục đăng ký) và có giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 4:** Thực hiện đánh giá về an toàn sinh học tại các phòng xét nghiệm của đơn vị. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 5:** Hướng dẫn, tập huấn cho các cơ sở y tế về quy trình lấy mẫu, bảo quản vận chuyển bệnh phẩm và các kỹ thuật xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

5.2. An toàn sinh học, hóa học.

- **Tiêu chuẩn 2:** Các phòng xét nghiệm được chứng nhận an toàn sinh học theo quy định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 5:** Các phòng xét nghiệm lý-hóa học được thực hiện đảm bảo an toàn lý-hóa học theo qui định. Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

6. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, HỢP TÁC QUỐC TẾ: 0.5/2.5 Điểm.

- **Tiêu chuẩn 1:** Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học (Có triển khai thực hiện đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên). Đảm bảo. Điểm tự chấm: **0.5 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 2:** Áp dụng các mô hình hiệu quả hoặc các kết quả nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước trong triển khai công tác y tế tại địa phương. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

- **Tiêu chuẩn 3:** Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài triển khai các hoạt động y tế dự phòng trên địa bàn. Không đáp ứng. Điểm tự chấm: **0 điểm**.

II. TỔNG ĐIỂM 51.15/60 điểm.

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm TTYT tự chấm	Ghi chú
I	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm	14	12.5	
1	KS bệnh truyền nhiễm	7.5	6.5	
2	Phòng, chống HIV/AIDS	2.5	2.5	
3	Quản lý vắc xin và Tiêm chủng	4	3.5	

II	Y tế công cộng và Dinh dưỡng	33.5	28.15	
1	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	7	7	
2	Phòng, chống Lao	1.5	1.5	
3	Phòng, chống Tâm thần phân liệt, động kinh	1.5	1.5	
4	Phòng, chống bệnh Phong, bệnh da, bệnh lây truyền qua đường tình dục	1.5	1.5	
5	Phòng, chống mù lòa	1.5	0	
6	Dinh dưỡng	4	3.35	
7	Hoạt động Sức khỏe môi trường,	4	3.3	
8	Sức khỏe trường học	3	3	
9	Sức khỏe nghề nghiệp	5.5	5	
10	Phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng	4	2	
III	Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	3	
IV	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	3.5	3.5	
V	Xét nghiệm	3.5	3.5	
VI	Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế	2.5	0.5	
Tổng cộng		60	51.15	

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của UBND huyện và các phòng, ban ngành của huyện; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng ủy Y tế cùng với sự đồng thuận, nhất trí cao của nhân dân đối với nhiệm vụ về y tế dự phòng.

- Trung tâm Y tế Giang Thành phân công từng thành viên phụ trách tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện từng chương trình cụ thể, chủ động đánh giá từng nhiệm vụ triển khai thực hiện.

- Giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn, không để xảy ra ổ dịch đảm bảo tiến độ hoạt động của các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, công tác ATVSTP được đảm bảo không xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe triển khai đa dạng, phong phú bằng nhiều hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong lĩnh vực y tế.

2. Hạn chế

- Chưa triển khai thực hiện công tác phòng, chống mù lòa.
- Các mô hình nghiên cứu khoa học chưa được áp dụng triển khai tại đơn vị.
- Chưa có điều kiện tổ chức hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để triển khai các hoạt động y tế dự phòng trên địa bàn.
- Công tác phối hợp liên ngành Y tế - Thú y theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27/5/2013 chưa được triển khai.

Trên đây là báo cáo Kết quả tự kiểm tra, đánh giá Hệ y tế Dự phòng năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Giang Thành.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban Giám đốc TTYT;
- Các Khoa, Phòng trực thuộc;
- Website TTYT Giang Thành;
- Lưu: VT, KHNH.

GIÁM ĐỐC



Hồ Hữu Phước



SỞ Y TẾ
TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH

**BẢNG KIỂM TRA CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2025**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 71/KH-SYT, ngày 01/4/2025 của Sở Y tế)

Tên đơn vị: **TRUNG TÂM Y TẾ GIANG THÀNH**

Địa chỉ:(đường phố, xã, phường, thị trấn): Quốc Lộ N1, Ấp Giồng Kè, Xã Phú Lợi, huyện Giang Thành, Tỉnh Kiên Giang.

Hạng đơn vị (Hạng I, II, III, IV hoặc chưa xếp hạng): III

Số điện thoại cơ quan:0273.768.015; số Fax:.....

Tổng số xã/phường/thị trấn:05; Tổng số thôn:29 ấp;

Số lượng cán bộ Y tế thôn bản: 32/29 ấp.

Dân số: 29.560/người; Diện tích tự nhiên: 407.443/km²

Đơn vị thực hiện tự chủ/ không tự chủ/tự chủ một phần: Ngân sách nhà nước
đảm bảo toàn phần

Giang Thành, ngày 05 tháng 5 năm 2025

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Hồ Hữu Phước

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC CỦA ĐƠN VỊ

Phân loại cán bộ - công chức	Tổng số	Khối khám chữa bệnh		Khối dự phòng	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Cán bộ Y	53	36		17	
Thạc sĩ	1	0		1	
Chuyên khoa II	1	0		1	
Chuyên khoa I	5	5		0	
Bác sĩ	18	14		4	
Y sĩ	12	2		10	
Điều dưỡng các loại	16	15		1	
2. Cán bộ dược	11	8		3	
Thạc sĩ	1	1			
Chuyên khoa II				1	
Chuyên khoa I	1			1	
Dược sĩ đại học	6	5		1	
Dược sĩ trung học	3	2			
Dược sơ học					
3. Cán bộ Y tế cộng đồng	0				
Thạc sĩ	0				
Chuyên khoa II	0				
Chuyên khoa I	0				
Bác sĩ YHDP	0				
Cử nhân	0				
Cao đẳng	0				
4. Cử nhân sinh học	0				
Thạc sĩ	0				
Cử nhân	0				
Cao đẳng	0				
5. Cán bộ ngành khác	12	3		9	
Thạc sĩ	0			5	
Cử nhân	7	3		2	
Cao đẳng	2			2	
Trung học	2				
Sơ học					
6. Kỹ thuật viên các loại	5	5			
Thạc sĩ					
Cử nhân	3	3			
Cao đẳng	1	1			
Trung học	1	1			
Sơ học					
Cộng	81	62		29	

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH *(Đơn vị tính 1000 đ)

TT	Nội dung	Năm 2024			Năm 2025		
		Tổng kinh phí	Kinh phí dành cho công tác y tế dự phòng	Tỷ lệ (%)	Tổng kinh phí	Kinh dành cho công tác y tế dự phòng	Tỷ lệ (%)
A	Huy động kinh phí						
I	Tổng ngân sách trung ương cấp						
1	Đầu tư phát triển						
2	Kinh phí sự nghiệp						
3	Kinh phí viện trợ						
4	Kinh phí hiện vật						
II	Tổng ngân sách địa phương cấp						
1	Đầu tư phát triển						
2	Kinh phí sự nghiệp		445.866			507.000	
3	Kinh phí viện trợ trực tiếp						
4	Kinh phí hiện vật						
III	Thu phí dịch vụ		30.982				
IV	Khác (bảo hiểm...)						
B	Giải ngân						
I	Tổng ngân sách trung ương						
1	Đầu tư phát triển						
2	Kinh phí sự nghiệp						
3	Kinh phí viện trợ						
4	Kinh phí hiện vật						
II	Tổng ngân sách địa phương						
1	Đầu tư phát triển						
2	Kinh phí sự nghiệp		420.391				
3	Kinh phí viện trợ trực tiếp						
4	Kinh phí hiện vật						

PHẦN THỨ HAI: THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN

I. Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và HIV/AIDS: 12,5/14 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
1	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm	7,5	6,5	
1.1	Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm hàng năm. <i>Kiểm tra: Kế hoạch các hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm được phê duyệt; Các kế hoạch phòng chống dịch bệnh theo từng lĩnh vực riêng biệt.</i>	0,5	0,5	
1.2	Triển khai các hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm trên địa bàn	0,5	0,5	
	Tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở Y tế và các đơn vị liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, công văn; Các hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật</i>	0,25	0,25	
	Tổ chức kiểm tra, giám sát các trạm Y tế và các cơ quan liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh <i>Kiểm tra: Phản hồi thông tin với các tuyến; Kế hoạch giám sát; Báo cáo giám sát hỗ trợ.</i>	0,25	0,25	
1.3	Thực hiện giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh.	1	1	
	Thực hiện trực dịch, chủ động giám sát ca bệnh tại các cơ sở điều trị <i>Kiểm tra: Danh sách trực dịch hàng tháng có phê duyệt của lãnh đạo đơn vị; Sổ trực dịch (ghi nhận, bàn giao, chữ ký); Báo cáo trực dịch; Lịch phân công cán bộ giao ban với đơn vị điều trị bệnh truyền nhiễm</i>	0,25	0	
	Thực hiện tổng hợp số liệu giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu bệnh truyền nhiễm <i>Kiểm tra: Quyết định phân công cán bộ thực hiện quản lý phần mềm giám sát bệnh truyền nhiễm; Biểu đồ phân tích theo thời gian địa điểm, các yếu tố dịch tễ học liên quan các bệnh truyền nhiễm; Báo cáo BTN tuần, tháng, quý theo qui định tại Thông tư số 54/2015/TT-BYT; Báo cáo tổng kết quý, 6 tháng, cả năm</i>	0,25	0,25	
	Thực hiện giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh <i>Kiểm tra: Có quyết định phân công cán bộ/nhóm thực hiện nhiệm vụ về côn trùng và động vật y học; Các báo cáo giám sát, phòng chống véc tơ vật chủ trung gian truyền bệnh</i>	0,25	0,25	

	Theo dõi, đánh giá tình hình dịch bệnh và cung cấp, phản hồi thông tin bệnh truyền nhiễm <i>Kiểm tra: Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch bệnh; Công văn/email phản hồi kết quả xét nghiệm, tình hình dịch bệnh tại địa phương</i>	0,25	0,25	
1.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế.	1,5	1,5	
	Các ổ dịch lưu hành được quản lý, giám sát và xử lý theo đúng qui định <i>Kiểm tra: Báo cáo cập nhật tình hình giám sát và xử lý ổ dịch; Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch; Báo cáo kết thúc ổ dịch</i>	0,5	0,5	
	Các ổ dịch mới được điều tra và xử lý theo đúng quy định <i>Kiểm tra: Báo cáo cập nhật tình hình giám sát và xử lý ca bệnh/ổ dịch mới theo qui định; Danh sách ca bệnh, phiếu điều tra; Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch bệnh; Báo cáo kết thúc ổ dịch</i>	0,5	0,5	
	Có Đội cơ động phòng chống dịch và đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị để chống dịch <i>Kiểm tra: Quyết định thành lập đội cơ động phòng chống dịch; Danh sách thành viên đội cơ động; Lịch trực đội cơ động theo tình hình dịch, thời gian; Danh mục vật tư, hóa chất, trang thiết bị của đội cơ động</i>	0,25	0,25	
	Có đủ năng lực thực hiện khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh theo yêu cầu <i>Kiểm tra: Báo cáo xử lý ổ dịch, khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh</i>	0,25	0,25	
1.5	Phối hợp với các ngành/đơn vị liên quan để chủ động phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm.	0,75	0,75	
	Phối hợp liên ngành Y tế - Thú y theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27/5/2013 <i>Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành giữa Y tế - Thú y; Quyết định phân công cán bộ đầu mối thực hiện trao đổi thông tin với ngành thú y; Báo cáo trường hợp bệnh/ổ dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người (nếu có) theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16; Báo cáo bệnh lây truyền từ động vật sang người theo tháng/quý/năm theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16; Biên bản họp định kỳ theo quý giữa đơn vị Y tế và Thú y</i>	0,5	0	
	Phối hợp liên ngành Y tế với các ban ngành khác trong công tác phòng chống dịch bệnh (Chương trình cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh) <i>Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động</i>	0,25	0	
1.6	Triển khai các hoạt động truyền thông nguy cơ, truyền thông giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi cho người dân và cộng đồng về phòng chống bệnh truyền nhiễm	0,5	0,5	

	Xây dựng tài liệu/nội dung truyền thông <i>Kiểm tra: Kế hoạch phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động</i>	0.25	0	
	Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe <i>Kiểm tra: Kế hoạch và các chương trình hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe; Báo cáo hoạt động truyền thông</i>	0.25	0	
1.7	Thực hiện quy chế phát ngôn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và xử lý khủng hoảng thông tin	0,5	0	
	Có quy chế phát ngôn <i>Kiểm tra: Quy chế phát ngôn được phê duyệt và thực hiện</i>	0,25	0	
	Cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin về tình hình dịch bệnh, xử lý khủng hoảng thông tin <i>Kiểm tra: Có đầy đủ, kịp thời các thông tin diễn biến tình hình dịch bệnh trên địa bàn gửi tới cơ quan có trách nhiệm</i>	0,25	0	
1.8	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn <i>Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả thực hiện</i>	0,75	0,75	
1.9	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra hằng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt <i>Kiểm tra: Báo cáo tổng kết cuối năm đánh giá mục tiêu, chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch</i>	1	1	
1.10	Thực hiện thống kê, báo cáo tình hình bệnh dịch truyền nhiễm trên địa bàn theo quy định về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh dịch truyền nhiễm. <i>Kiểm tra: Có đầy đủ các báo cáo theo qui định; Các báo cáo có đầy đủ thông tin và gửi đúng hạn tới các đơn vị liên quan.</i>	0,5	0,5	
2	Phòng, chống HIV/AIDS	2.5	2.5	
2.1	Xây dựng kế hoạch phòng chống HIV/AIDS năm; Kế hoạch triển khai Tháng dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con; Kế hoạch triển khai Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS. <i>Kiểm tra: có đầy đủ kế hoạch, báo cáo kết quả, văn bản chỉ đạo</i>	0.5	0.5	
2.2	Thực hiện thống kê, báo cáo, quản lý người nhiễm HIV trên địa bàn <i>Kiểm tra: Sổ theo dõi, quản lý người nhiễm HIV</i>	0.5	0.5	
2.3	Quản lý, theo dõi bệnh nhân điều trị HIV/AIDS; điều trị Methadone <i>Kiểm tra báo cáo quản lý bệnh nhân AIDS và người nghiện điều trị Methadone theo chỉ tiêu được giao.</i>	0.5	0.5	
2.4	Triển khai chương trình can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV <i>Kiểm tra kế hoạch, văn bản triển khai cấp bao cao su, bơm kim tiêm miễn phí</i>	0.5	0.5	

2.5	Triển khai chương trình Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư <i>Kiểm tra kế hoạch triển khai, báo cáo hoạt động của phong trào toàn dân/các nhóm đồng đẳng</i>	0,5	0,5	
3	Quản lý vắc xin và tiêm chủng	4	3,5	
3.1	Xây dựng đầy đủ kế hoạch các hoạt động về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh hằng năm <i>Kiểm tra: Kế hoạch TCMR hàng năm của đơn vị được phê duyệt; Các kế hoạch tiêm chủng theo chiến dịch, dịch vụ</i>	0,25	0,25	
3.2	Thực hiện tiêm chủng đầy đủ trên địa bàn theo quy định	0,75	0,75	
	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ quy mô huyện trong toàn tỉnh > 95% trong năm <i>Báo cáo kết quả tiêm chủng trong năm</i>	0,25	0,25	
	Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B 24h sau sinh qui mô huyện trong toàn tỉnh > 70% trong năm <i>Báo cáo kết quả tiêm chủng viêm gan B 24h sau sinh trong năm</i>	0,25	0,25	
	Không có thôn, bản, ấp trắng về tiêm chủng <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả tiêm chủng; Sổ thôn bản được tiêm chủng/Tổng số thôn bản</i>	0,25	0,25	
	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp	0,5	0,5	
3.3	Các cơ sở tiêm chủng được kiểm tra, giám sát hằng năm theo phân cấp <i>Kiểm tra: Kế hoạch giám sát được phê duyệt; Báo cáo kết quả giám sát</i>	0,2	0,2	
	Đạt chỉ tiêu giám sát liệt mềm cấp >1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi qui mô tỉnh trong năm <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát liệt mềm cấp năm</i>	0,1	0,1	
	Đạt chỉ tiêu giám sát sốt phát ban nghi sởi/bệnh sởi theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát sốt phát ban nghi sởi/sởi trong năm</i>	0,1	0,1	
	Đạt chỉ tiêu giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh trong năm</i>	0,1	0,1	
3.4	Tiếp nhận, bảo quản và cung cấp vắc xin, sinh phẩm và vật tư tiêm chủng theo quy định	0,5	0,5	
	Vắc xin, sinh phẩm được tiếp nhận, bảo quản theo đúng quy định <i>Kiểm tra: Hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin theo qui định; Hệ thống sổ sách quản lý, ghi chép theo dõi dây chuyền lạnh, tủ bảo quản, theo dõi nhiệt độ... theo đúng qui định; Đảm bảo nhiệt độ bảo quản vắc xin theo qui định</i>	0,25	0,25	
	Bảo đảm cung ứng đầy đủ số lượng, chủng loại và chất lượng của vắc xin tiêm chủng mở rộng và dịch vụ theo kế hoạch <i>Kiểm tra: Báo cáo cung ứng vắc xin so với kế hoạch và nhu cầu; Sổ theo dõi quản lý vắc xin, vật tư tiêm chủng của 12 tháng được ghi chép đầy đủ thông tin</i>	0,25	0,25	

3.5	Chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định	0,75	0,75	
	Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện</i>	0,25	0,25	
	Quản lý đầy đủ các địa điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn. Quản lý dữ liệu tiêm chủng đến qui mô xã/phường đầy đủ trong năm <i>Số quản lý và theo dõi cơ sở tiêm chủng; Hệ thống sổ sách và phần mềm quản lý dữ liệu, đối tượng tiêm chủng đến xã/phường trong năm</i>	0,25	0,25	
	Đảm bảo an toàn tiêm chủng, giám sát và xử lý các phản ứng sau tiêm chủng đầy đủ theo qui định <i>Kiểm tra: Có sổ theo dõi và báo cáo phản ứng sau tiêm chủng ghi chép đầy đủ và đúng quy định; Trường hợp tai biến sau tiêm chủng nặng phải lưu trữ hồ sơ: phiếu điều tra và biên bản hội đồng</i>	0,25	0,25	
3.6	Triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, thay đổi nhận thức, hành vi cho người dân và cộng đồng về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh	0,5	0,5	
	Xây dựng tài liệu/nội dung truyền thông <i>Kiểm tra: Các tài liệu truyền thông: các bài viết, tuyên truyền, băng đĩa, tờ rơi, áp phích, tờ rơi</i>	0,25	0,25	
	Triển khai đa dạng các hoạt động truyền thông cho cộng đồng nâng cao nhận thức về tiêm chủng <i>Kiểm tra: Kế hoạch truyền thông được phê duyệt; Báo cáo các hoạt động truyền thông</i>	0,25	0,25	
3.7	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ làm công tác tiêm chủng trên địa bàn, các cơ sở tiêm chủng đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định	0,5	0,5	
	Tập huấn về chuyên môn tiêm chủng hằng năm, 100% cơ sở tiêm chủng được thẩm định đủ điều kiện tiêm chủng theo qui định <i>Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn, đào tạo; Tài liệu, chương trình tập huấn; Báo cáo tập huấn; Báo cáo thẩm định, giám sát cơ sở tiêm chủng</i>	0,25	0	
	Cấp và gia hạn giấy chứng nhận tiêm chủng cho các đối tượng và cơ sở tiêm chủng được tập huấn <i>Kiểm tra: Quyết định, hồ sơ lưu, danh sách các đối tượng được cấp giấy chứng nhận</i>	0,25	0	
3.8	Thực hiện đầy đủ thông tin báo cáo trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng dịch vụ, bệnh truyền nhiễm trong tiêm chủng, quản lý vắc xin - vật tư tiêm chủng. <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả TCMR, tiêm chủng dịch vụ; Báo cáo bệnh truyền nhiễm trong TCMR; Báo cáo quản lý vắc xin, vật tư hàng tháng</i>	0,25	0,25	

II. Y tế công cộng và Dinh dưỡng: 28,15/33,5 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
1	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	7	7	
1.1	Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn <i>Kiểm tra: Bản kế hoạch kiểm soát BKLN được phê duyệt, đề cập đến: Phòng chống hút thuốc lá, uống rượu bia, dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực; Phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị tăng huyết áp, đái tháo đường, ung thư, COPD; Giám sát tử vong, giám sát bệnh, yếu tố nguy cơ, năng lực hệ thống.</i>	0,5	0,5	
1.2	Chỉ đạo/hướng dẫn/điều phối triển khai các hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh <i>Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo/hướng dẫn triển khai hoạt động phòng chống YTNC, Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN, Quản lý điều trị BKLN, Giám sát BKLN</i>	1,0	1,0	
	- Phòng chống yếu tố nguy cơ (dinh dưỡng không hợp lý, thiếu hoạt động thể lực, hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia)	0,25	0,25	
	- Phát hiện sớm, tư vấn dự phòng BKLN	0,25	0,25	
	- Quản lý điều trị BKLN	0,25	0,25	
	- Giám sát BKLN	0,25	0,25	
1.3	Giám sát việc triển khai hoạt động kiểm soát BKLN trên địa bàn tỉnh <i>Kiểm tra: Kế hoạch giám sát triển khai hoạt động phòng chống BKLN; Báo cáo kết quả giám sát</i>	0,5	0,5	
1.4	Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến huyện, xã về kiểm soát BKLN <i>Kiểm tra: Tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn kỹ thuật theo từng lĩnh vực; Kế hoạch đào tạo, tập huấn; Tài liệu đào tạo, tập huấn; Danh sách giảng viên, học viên; Báo cáo kết quả đào tạo, tập huấn</i>	1,0	1,0	
	- Sản xuất, nhân bản tài liệu về giám sát và phòng chống YTNC và BKLN.	0,25	0,25	
	- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về truyền thông, tư vấn phòng chống yếu tố nguy cơ	0,25	0,25	
	- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về phát hiện, tư vấn, quản lý điều trị các BKLN	0,25	0,25	
	- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến huyện, xã về giám sát tử vong và thống kê, báo cáo	0,25	0,25	
1.5	Phối hợp liên ngành với các cơ quan, tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống BKLN <i>Kiểm tra: Có kế hoạch hoạt động/Cơ chế phối hợp liên ngành; Có báo cáo hoạt động</i>	0,5	0,5	
1.6	Triển khai các hoạt động phòng chống yếu tố nguy cơ và BKLN	1,5	1,5	

	Truyền thông vận động đối với các cấp chính quyền, ban ngành, đoàn thể về phòng chống YTNC và BKLN <i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông (nội dung phù hợp với các vận động chính sách); Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
	Truyền thông cho cộng đồng về: + Tác hại thuốc lá + Tác hại rượu, bia + Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý + Tăng cường hoạt động thể lực <i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
	Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông theo chủ đề trong phòng chống BKLN + Bệnh đái tháo đường + Tăng huyết áp + Bệnh ung thư + Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính <i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
	Triển khai/tham gia triển khai các mô hình nâng cao sức khỏe tại các nơi công cộng, công sở, trường học và cộng đồng <i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
	Chỉ đạo, hỗ trợ kỹ thuật tuyên dưới thực hiện các dịch vụ về phát hiện sớm, tư vấn, quản lý điều trị BKLN tại cộng đồng <i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông; Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
	Phối hợp với các khoa/phòng có liên quan của Trung tâm sàng lọc cơ hội nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu tiền bệnh, mắc BKLN trong các đợt khám sức khỏe học sinh, người lao động <i>Kiểm tra: Kế hoạch sàng lọc/phát hiện sớm BKLN, tiền bệnh trong các đợt khám sức khỏe do TTYTDP thực hiện; Báo cáo kết quả triển khai hoạt động</i>	0,25	0,25	
	Thống kê, báo cáo và giám sát BKLN	1	1	
1.7	Điều tra/tham gia điều tra, quản lý thông tin về yếu tố nguy cơ của BKLN trên địa bàn tỉnh <i>Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo phối hợp điều tra; Có kế hoạch điều tra; Có cơ sở dữ liệu</i>	0,2	0,2	
	Thu thập, quản lý số liệu tử vong trên địa bàn tỉnh <i>Kiểm tra: Báo cáo số liệu và phân tích nguyên nhân tử vong (theo ICD 10) của toàn tỉnh/thành phố; Bảng theo dõi việc gửi (cho tuyến tỉnh) và nhận báo cáo tử vong (từ tuyến xã) được cập nhật; Cơ sở dữ liệu tử vong được cập nhật định kỳ</i>	0,2	0,2	

	Thu thập, quản lý số liệu về tình hình mắc các BKLN trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có biểu mẫu thu thập thông tin; Có hồ sơ quản lý được cập nhật; Có báo cáo lưu số liệu</i>	0,2	0,2	
	Thu thập, quản lý số liệu về khả năng đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có bản tổng hợp đánh giá năng lực đáp ứng với phòng, chống BKLN của các đơn vị trong huyện</i>	0,2	0,2	
	Báo cáo tổng hợp về thực trạng YTNC và BKLN trên địa bàn <i>Kiểm tra: Có đầy đủ các báo cáo</i>	0,2	0,2	
1.8	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về kiểm soát BKLN của địa phương <i>Kiểm tra: Báo cáo mục tiêu, chỉ tiêu so với kế hoạch</i>	1,0	1,0	
2	Phòng, chống Lao	1.5	1.5	
2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Lao trên địa bàn <i>Kiểm tra: có đầy đủ kế hoạch, báo cáo kết quả, văn bản chỉ đạo</i>	0.5	0.5	
2.2	Thực hiện khám phát hiện bệnh lao theo chỉ tiêu giao của chương trình chống Lao quốc gia <i>Kiểm tra báo cáo quản lý bệnh nhân Lao theo chỉ tiêu được giao.</i>	0.5	0.5	
2.3	Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc chống bệnh Lao theo quy định <i>Kiểm tra: Sổ theo dõi sử dụng thuốc.</i>	0.5	0.5	
3	Phòng, chống Tâm thần phân liệt, động kinh	1.5	1.5	
3.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh trên địa bàn <i>Kiểm tra: có đầy đủ kế hoạch, báo cáo kết quả, văn bản chỉ đạo</i>	0.5	0.5	
3.2	Thực hiện khám phát hiện bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh theo chỉ tiêu giao của chương trình quốc gia <i>Kiểm tra báo cáo quản lý bệnh nhân Tâm thần theo chỉ tiêu được giao.</i>	0.5	0.5	
3.3	Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc điều trị bệnh Tâm thần phân liệt, Động kinh theo quy định <i>Kiểm tra: Sổ theo dõi sử dụng thuốc.</i>	0.5	0.5	
4	Phòng, chống bệnh Phong, bệnh da, bệnh lây truyền qua đường tình dục	1.5	1.5	
4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh Phong, bệnh da, bệnh lây truyền qua đường tình dục trên địa bàn	0.5	0.5	
4.2	Tổ chức quản lý, điều trị bệnh Phong, bệnh da liễu trên địa bàn phụ trách <i>Kiểm tra báo cáo quản lý bệnh nhân phong theo chỉ tiêu được giao.</i>	0.5	0.5	

4.3	Tiếp nhận, bảo quản, phân phối, cấp phát thuốc chống Phong theo quy định <i>Kiểm tra: Sổ theo dõi sử dụng thuốc.</i>	0.5	0.5	
5	Phòng, chống mù lòa	1.5	0	
5.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động phòng, chống mù lòa trên địa bàn tỉnh <i>Kiểm tra: Có đầy đủ kế hoạch, báo cáo kết quả, văn bản chỉ đạo</i>	0.5	0	
5.2	Tổ chức mổ đục thủy tinh thể theo quy định của chương trình phòng chống mù lòa; Tổ chức khám phát hiện điều trị các bệnh về mắt. <i>Kiểm tra báo cáo kết quả thực hiện.</i>	0.5	0	
5.3	Thực hiện các chỉ số giải phóng mù lòa theo quy định của chương trình quốc gia <i>Kiểm tra báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao.</i>	0.5	0	
6	Dinh dưỡng	4	3.35	
6.1	Xây dựng đầy đủ các kế hoạch về hoạt động dinh dưỡng <i>Kiểm tra: Kế hoạch các hoạt động dinh dưỡng được phê duyệt</i>	0,25	0,25	
6.2	Chỉ đạo triển khai các hoạt động về dinh dưỡng <i>Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo; Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
6.3	Phối hợp liên ngành/đơn vị liên quan để chủ động triển khai các hoạt động về dinh dưỡng - Chiến dịch Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng (ngày vi chất dinh dưỡng, tổ chức uống vitamin A, sử dụng muối iot....) và Tuần lễ dinh dưỡng phát triển hàng năm - Triển khai các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, an ninh thực phẩm, các mô hình về dinh dưỡng <i>Kiểm tra: Có văn bản chỉ đạo, kế hoạch phối hợp hoạt động liên ngành; Có báo cáo hoạt động</i>	0,5	0,5	
6.4	Triển khai hệ thống giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn - Giám sát tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em - Giám sát tình trạng thừa cân béo phì ở học sinh và các đối tượng khác - Giám sát về tiêu thụ thực phẩm (bao gồm cả tiêu thụ muối, rau quả, rượu bia ...) và các mối nguy về an toàn thực phẩm (điều tra 30 cụm) <i>Kiểm tra: Có công văn chỉ đạo; Có kế hoạch, nội dung triển khai; Có báo cáo kết quả giám sát</i>	0,5	0,5	
6.5	Thực hiện đánh giá và theo dõi, xử trí về tình trạng dinh dưỡng khẩn cấp của trẻ em và bà mẹ có thai và các đối tượng nguy cơ cao tại những nơi bị thiên tai, thảm họa và dịch bệnh <i>Kiểm tra: Có công văn chỉ đạo; Có biên bản giám sát; Có kế hoạch, nội dung triển khai; Có báo cáo kết quả theo dõi, xử trí</i>	0,25	0,25	

6.6	Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dinh dưỡng ở tuyến cơ sở <i>Kiểm tra: Có kế hoạch hoạt động, công văn/giấy mời; Nội dung đào tạo tập huấn; Danh sách giảng viên, học viên; Có báo cáo hoạt động</i>	0,5	0,5	
6.7	Triển khai các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông dinh dưỡng <i>Kiểm tra: Có kế hoạch truyền thông; Có tài liệu truyền thông kèm theo; Có báo cáo hoạt động</i>	0,25	0,25	
6.8	Hoàn thành được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về dinh dưỡng của địa phương đã đề ra <i>Kiểm tra: Có báo cáo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra hằng năm</i>	1	0,6	
	Giảm suy dinh dưỡng trẻ em	0,2	0,2	
	Cải thiện bữa ăn	0,2	0	
	Kiểm soát thừa cân béo phì và rối loạn chuyển hóa cholesterol máu, gluco máu	0,2	0	
	Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng	0,2	0,2	
	Nâng cao năng lực mạng lưới cán bộ làm dinh dưỡng	0,1	0,1	
6.9	Nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý	0,1	0,1	
	Thực hiện thống kê báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định <i>Kiểm tra: Có báo cáo</i>	0,5	0,5	
7	Hoạt động sức khỏe môi trường	4	3.3	
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường hàng năm <i>Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường hàng năm được phê duyệt.</i>	0,5	0,5	
7.2	Kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt của các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn theo phân cấp quản lý <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo về giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt theo phân cấp quản lý; Danh sách các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn được quản lý; Danh sách các cơ sở cấp nước được kiểm tra, giám sát về chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt trong năm; Biên bản kiểm tra, giám sát; Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát (các báo cáo lưu giữ theo quy định, minh chứng trong hồ sơ 01 báo cáo tháng; báo cáo 6 tháng và báo cáo năm, báo cáo khi có sự cố kỹ thuật và thiên tai liên quan đến chất lượng nước).</i>	0,5	0,5	
	Quản lý cơ sở cấp nước ăn uống và sinh hoạt trên địa bàn.	0,25	0,25	

	Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá vệ sinh nguồn nước ăn uống, sinh hoạt tại cơ sở cấp nước và hộ gia đình theo quy định. Kiểm tra giám sát chất lượng nước trong sự cố kỹ thuật và thiên tai.	0,25	0,25	
7.3	Chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo/tài liệu hướng dẫn tuyến dưới triển khai việc giám sát chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; Báo cáo tình hình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn. Trong đó nêu rõ các kết quả thực hiện Chương trình MTQG	0,25	0,25	
	- Hoàn thành mục tiêu của Chương trình MTQG	0,05	0,05	
	- Chưa đạt mục tiêu của Chương trình MTQG nhưng tỷ lệ sử dụng nước sạch tăng so với năm trước (số tăng chiếm $\geq 10\%$ tổng số)	0,1	0,1	
	- Chưa đạt mục tiêu của Chương trình MTQG nhưng tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh tăng so với năm trước (số tăng chiếm $\geq 10\%$ tổng số)	0,1	0,1	
7.4	Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường của các bệnh viện và các cơ sở y tế khác trên địa bàn; Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo về công tác quản lý chất thải y tế và phân cấp quản lý các CSYT trên địa bàn; Danh sách quản lý các CSYT trên địa bàn, các CSYT được kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, các CSYT có thực hiện quan trắc môi trường; Văn bản hướng dẫn các CSYT thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế; Công tác tập huấn; Biên bản kiểm tra, giám sát các CSYT về công tác quản lý chất thải y tế và thực hiện các quy định về BVMT; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, QTMTYT cho các CSYT trên địa bàn	0,25	0,25	
	Quản lý các cơ sở y tế trên địa bàn	0,05	0,05	
	Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế, quan trắc môi trường y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn	0,1	0	
	Kiểm tra, giám sát việc quan trắc môi trường, xử lý khắc phục... của các bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn theo phân cấp	0,1	0	

7.5	Quản lý thông tin, dữ liệu về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm như khu công nghiệp, các làng nghề, các vùng có nguy cơ ảnh hưởng nhiều do thiên tai... <i>Kiểm tra: Danh sách các vùng/khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Danh sách các vùng/khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai; Báo cáo/dữ liệu/thông tin theo dõi, giám sát tại các vùng có nguy cơ về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường.</i>	0,3	0,3	
	Xác định và phân vùng các khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	0,1	0,1	
	Xác định và phân vùng các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai	0,1	0,1	
	Giám sát và đánh giá các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe người dân tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các vùng chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai	0,1	0,1	
7.6	Tham gia điều tra, hướng dẫn xử lý và báo cáo kịp thời theo quy định về các sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...) <i>Kiểm tra: Phương án ứng phó đối với các sự cố sức khỏe môi trường có thể xảy ra; Văn bản/Tài liệu hướng dẫn xử trí khi có sự cố sức khỏe môi trường (thiên tai, thảm họa,...); Báo cáo về tình hình xảy ra các sự cố môi trường trên địa bàn; Nếu có sự cố môi trường: Công văn phối hợp liên ngành (nếu có); Biên bản điều tra, giám sát những khu vực xảy ra sự cố môi trường; Báo cáo kết quả xử lý sự cố.</i>	0,3	0	
	Có các kế hoạch ứng phó trong sự cố sức khỏe môi trường	0,1	0,1	
	Tham gia hướng dẫn xử lý các sự cố sức khỏe môi trường	0,1	0,1	
	Tham gia điều tra, giám sát, báo cáo các trường hợp sự cố sức khỏe môi trường	0,1	0,1	
7.7	Tham mưu chỉ đạo và tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa.... <i>Kiểm tra: Kế hoạch và văn bản chỉ đạo thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, dịch bệnh tại vùng có nguy cơ hoặc vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; Báo cáo kết quả thực hiện</i>	0,3	0,3	
7.8	Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực sức khỏe môi trường cho tuyến dưới <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyến dưới hoặc tài liệu hướng dẫn; Công tác tập huấn: Công văn/Giấy mời kèm kế hoạch/chương trình tập huấn, Danh sách học viên, giảng viên, Tài liệu tập huấn</i>	0,3	0,3	
7.9	Triển khai các hoạt động truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng <i>Kiểm tra: Kế hoạch truyền thông; Nội dung, tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động truyền thông</i>	0,3	0,3	

7.10	Triển khai thực hiện các phong trào vệ sinh phòng bệnh, làng văn hóa sức khỏe và các phong trào liên quan khác do ngành và địa phương phát động <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về triển khai các phong trào vệ sinh phòng bệnh, làng văn hóa sức khỏe và các phong trào liên quan khác do ngành và địa phương phát động; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, thực hiện.</i>	0,2	0	
7.11	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương <i>Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe môi trường của Trung tâm. Trong đó có các số liệu liên quan đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương.</i>	0,5	0,5	
7.12	Thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường theo quy định <i>Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe môi trường theo quy định hiện hành.</i>	0,3	0,3	
8	Sức khỏe trường học	3	3	
8.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm <i>Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm được phê duyệt.</i>	0,3	0,3	
8.2	Phối hợp với phòng giáo dục và đào tạo để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT <i>Kiểm tra: Công văn, kế hoạch hoạt động phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả hoạt động phối hợp liên ngành.</i>	0,5	0,5	
8.3	Hướng dẫn, hỗ trợ công tác giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện theo kế hoạch; Tài liệu hướng dẫn chuyên môn; Danh sách các đơn vị đã được hướng dẫn, hỗ trợ; Báo cáo tổng hợp về kết quả công tác hỗ trợ, giám sát.</i>	0,3	0,3	
8.4	Triển khai khám chuyên khoa, phát hiện, chẩn đoán, điều trị các bệnh tật cho học sinh <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện công tác khám phát hiện bệnh tật học sinh trên địa bàn</i>	0,3	0,3	

8.5	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục. <i>Kiểm tra: Các báo cáo, biên bản kiểm tra của trung tâm về điều kiện vệ sinh tại các trường quản lý; Văn bản chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học; Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học.</i>	0,25	0,25	
8.6	Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn <i>Kiểm tra: Công văn/Giấy mời kèm kế hoạch, chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Nội dung, tài liệu tập huấn</i>	0,3	0,3	
8.7	Phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục, truyền thông trên địa bàn để chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ về phòng chống dịch bệnh, bệnh tật lứa tuổi học đường <i>Kiểm tra: Công văn, kế hoạch phối hợp truyền thông; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả phối hợp triển khai trong công tác tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe.</i>	0,25	0,25	
8.8	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương <i>Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe trường học của địa phương. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương</i>	0,5	0,5	
8.9	Thực hiện thống kê, báo cáo về công tác y tế trường học theo quy định <i>Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe trường học theo quy định hiện hành</i>	0,3	0,3	
9	Sức khỏe nghề nghiệp	5,5 điểm	5	
9.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp hằng năm <i>Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp hằng năm được phê duyệt</i>	0,5	0,5	

9.2	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo và phân cấp quản lý; Danh sách các cơ sở sản xuất và cơ sở y tế chia theo địa bàn đã phân cấp quản lý, trong đó có các thông tin về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, số vụ tai nạn lao động, đánh giá mức độ nguy cơ về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.</i>	0.5	0.5	
9.3	Kiểm tra, giám sát việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, quan trắc môi trường lao động, điều kiện lao động của các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động, thống kê cụ thể tổng số mẫu đo, số mẫu đạt và không đạt TC..., các khuyến nghị (có thể lồng ghép trong các báo cáo thực hiện công tác ATVSLĐ hằng năm); Danh sách các cơ sở sử dụng lao động có thực hiện quan trắc môi trường lao động. Trong đó có thông tin về quy mô hoạt động, việc lập hồ sơ vệ sinh lao động, đơn vị lập hồ sơ, có/không đánh giá mức độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của công việc qua các chỉ số về Vệ sinh lao động, tâm sinh lý lao động và ecgônômi</i>	0.5	0.5	
9.4	Quản lý thông tin, dữ liệu về tình hình sử dụng các hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động trong danh mục, hướng dẫn xử lý ban đầu khi bị nhiễm độc. <i>Kiểm tra: Danh sách cơ sở sản xuất, lưu trữ, sử dụng và kinh doanh hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động, tên các hóa chất, kết quả thẩm định; Tài liệu hướng dẫn xử lý ban đầu khi bị nhiễm độc với các hóa chất có yêu cầu nghiêm ngặt về vệ sinh lao động</i>	0,5	0	
9.5	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động <i>Kiểm tra: Báo cáo tình hình sự cố, nhiễm độc và tai nạn lao động xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (có thể lồng ghép trong báo cáo về công tác ATVSLĐ hằng năm; báo cáo kết quả hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ và PCCN)</i>	0,5	0,5	

9.6	Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, phát hiện nguy cơ sức khỏe, bệnh tật (bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN...). Triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động. Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động. Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động <i>Kiểm tra: Công văn/văn bản chỉ đạo, phối hợp; Tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động, theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện công tác CSSK NLD, trong đó thống kê rõ (theo phân cấp):</i> + Tổng số người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến và số người nhóm này được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp. + Tổng số người lao động có nghi ngờ mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN... và số lượng người đã được chẩn đoán xác định, giám định bệnh nghề nghiệp. + Số cơ sở sử dụng lao động có hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động.	0,5	0,5	
9.7	Phối hợp với ngành lao động thương binh xã hội quản lý, theo dõi việc thực hiện các chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe, điều trị và phục hồi chức năng lao động cho người lao động đã được xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn theo quy định <i>Kiểm tra: Báo cáo/Thông tin về tình hình thực hiện chế độ cho người lao động bị BNN, tai nạn lao động; Danh sách người lao động đã xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn được cập nhật hằng năm theo quy định.</i>	0,5	0,5	
9.8	Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích trên địa bàn <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động truyền thông về y tế lao động; phòng chống bệnh nghề nghiệp; phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động thông tin, truyền thông</i>	0,5	0,5	
9.9	Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng công tác trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp và các đối tượng liên quan trên địa bàn <i>Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn</i>	0.5	0.5	

9.10	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương <i>Kiểm tra: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe nghề nghiệp của Trung tâm. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp của địa phương</i>	0,5	0,5	
9.11	Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích theo quy định <i>Kiểm tra: Hồ sơ, sổ sách, sổ liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe nghề nghiệp theo quy định hiện hành.</i>	0,5	0,5	
10	Phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng	4 điểm	2	
10.1	Xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng <i>Kiểm tra: Các kế hoạch hoạt động về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng và côn trùng được phê duyệt</i>	0,5	0,5	
10.2	Chỉ đạo triển khai các hoạt động phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng <i>Kiểm tra: Các văn bản chỉ đạo về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng</i>	0,5	0,5	
10.3	Thực hiện giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh Sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình hình sốt rét của địa phương <i>Kiểm tra: Kết quả giám sát đánh giá nguy cơ dịch bệnh Sốt rét của địa phương; Phân vùng sốt rét, biểu đồ theo dõi diễn biến tỷ lệ tử vong, mắc Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng theo hàng tháng hay giai đoạn so với cùng kỳ năm trước.</i>	0,5	0	
10.4	Quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch/vụ dịch sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch/vụ dịch sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng.</i>	0,5	0	
10.5	Triển khai các biện pháp phòng chống véc tơ, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng tại các vùng nguy cơ cao theo quy định <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả điều trị sốt rét, các bệnh ký sinh trùng khác (giun sán), bệnh do côn trùng truyền; Kết quả triển khai các biện pháp phòng chống sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng (tắm màn, phun hóa chất, uống thuốc tẩy giun...)</i>	0,5	0,5	
10.6	Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe về công tác phòng chống bệnh sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn <i>Kiểm tra: Văn bản chỉ đạo thực hiện các hoạt động truyền thông về phòng chống bệnh sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng; Nội dung/tài liệu truyền thông; Báo cáo kết quả hoạt động thông tin, truyền thông.</i>	0,25	0,25	
10.7	Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn <i>Kiểm tra: Công văn/giấy mời; Chương trình tập huấn; Danh sách học viên, giảng viên; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả tập huấn</i>	0,5	0	

10.8	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng của địa phương <i>Kiểm tra: Báo cáo kết quả và phân tích các mục tiêu, chỉ tiêu đạt và không đạt so với kế hoạch đề ra hàng năm, nêu rõ lý do và đề xuất khắc phục cho năm tiếp theo</i>	0,5	0	
10.9	Thực hiện tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn theo quy định	0,25	0,25	

III. Vệ sinh an toàn thực phẩm: 3/3 điểm

TT	Nội dung	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
11	Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm	3 điểm	3	
11.1	Hoạt động của Ban chỉ đạo VSATTP <i>Kiểm tra Quyết định thành lập, kiện toàn BCD ATVSTP tuyến huyện, Quy chế hoạt động</i>	0,5	0,5	
11.2	Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm, Tháng hành động <i>Kiểm tra đầy đủ kế hoạch, văn bản chỉ đạo</i>	0,5	0,5	
11.3	Phối hợp liên ngành <i>Kiểm tra kế hoạch, văn bản chỉ đạo và báo cáo kết quả thực hiện; Triển khai mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm</i>	0,5	0,5	
11.4	Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn VSATTP <i>Kiểm tra biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm</i>	0,5	0,5	
11.5	Công tác xử lý, điều tra, thống kê và báo cáo NĐTP Có biện pháp xử trí kịp thời khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra Điều tra NĐTP đúng quy trình Sổ theo dõi, thống kê đầy đủ, Báo cáo bằng phẩm mềm quản lý dữ liệu.	0,5	0,5	
11.6	Công tác xét nghiệm Thực hiện được các XN cơ bản VSATTP theo yêu cầu quản lý	0,5	0,5	

IV. Chăm sóc sức khỏe sinh sản: 3,5/3,5 điểm

TT	Nội dung	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
12	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	3,5 điểm	3,5	
12.1	Có kế hoạch hoạt động của khoa, phòng tháng, quý, năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian theo quy định.	0,5	0,5	
12.2	Có đầy đủ sổ sách quản lý các chỉ số về CSSKSS và đánh giá thực trạng sức khỏe sinh sản trên địa bàn.	0,5	0,5	
12.3	Xây dựng và hoàn thành tốt kế hoạch giám sát và hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với y tế tuyến xã, thực hiện theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ CSSKSS.	0,5	0,5	

12.4	Có kế hoạch và thực hiện chuyển giao việc cung cấp dịch vụ KHHGD, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản cho tuyến dưới.	0,5	0,5	
12.5	Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ KHHGD, phòng chống các nhiễm khuẩn đường sinh sản cho người dân ngay tại trung tâm.	0,5	0,5	
12.6	Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án về CSSKSS, phòng chống SDD trẻ em trên địa bàn.	0,5	0,5	
12.7	Thực hiện nghiêm túc báo cáo, thống kê theo đúng quy định.	0,5	0,5	

V. Xét nghiệm: 3,5/3,5 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
13	Năng lực xét nghiệm:	2,5 điểm	2,5	
13.1	Thực hiện lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm đúng quy trình <i>Kiểm tra: Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm; Sổ quản lý mẫu bệnh phẩm</i>	0,5	0,5	
13.2	Thực hiện được 100% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Danh mục đăng ký) và có giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm <i>Kiểm tra: Giấy chứng nhận của các Viện chuyên ngành hoặc các cơ quan công nhận chất lượng cấp; Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; Cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; Sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật; Hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; Hồ sơ trang thiết bị</i>	0,5	0,5	
13.3	Thực hiện được 70% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Danh mục đăng ký) và có giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm <i>Kiểm tra: Giấy chứng nhận của các Viện chuyên ngành hoặc các cơ quan công nhận chất lượng cấp; Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; Cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; Sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật; Hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; Hồ sơ trang thiết bị</i>	0,5	0,5	
13.4	Thực hiện đánh giá về an toàn sinh học tại các phòng xét nghiệm của đơn vị <i>Kiểm tra: Quyết định thành lập đoàn đánh giá ATSH của đơn vị; Cán bộ tham gia đánh giá có chứng nhận được đào tạo về ATSH và đào tạo về đánh giá PXN ATSH; Báo cáo</i>	0,5	0,5	

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Điểm chuẩn (3)	Điểm tự chấm (4)	Điểm kiểm tra (5)
	<i>kết quả đánh giá an toàn sinh học các cơ sở xét nghiệm; Báo cáo tổng kết các cơ sở xét nghiệm được giám sát ATSH</i>			
13.5	Hướng dẫn, tập huấn cho các cơ sở y tế về quy trình lấy mẫu, bảo quản vận chuyển bệnh phẩm và các kỹ thuật xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật <i>Kiểm tra: Kế hoạch tập huấn/giám sát/hướng dẫn; Tài liệu tập huấn; Báo cáo kết quả các lớp tập huấn và hoạt động tập huấn đào tạo</i>	0,5	0,5	
14	An toàn sinh học, hóa học	1 điểm	1	
14.1	Các phòng xét nghiệm được chứng nhận an toàn sinh học theo quy định <i>Kiểm tra: Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt ATSH theo qui định; Hồ sơ giám sát, kiểm tra, đánh giá ATSH của phòng thí nghiệm</i>	0,5	0,5	
14.2	Các phòng xét nghiệm lý-hóa học được thực hiện đảm bảo an toàn lý-hóa học theo quy định <i>Kiểm tra: Quy định an toàn lý-hóa; Quy trình xử lý sự cố được ban hành; Các phương tiện bảo hộ lao động tương ứng sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay...); Các thiết bị giặt nước khăn cấp, rửa mắt, dung dịch kiềm loãng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; Có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý-hóa hoặc qui định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); Số tủ hút tương ứng với các phòng XN lý-hóa</i>	0,5	0,5	

VI. Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế: 0.5/ 2.5 điểm

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
15.1	Triển khai đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) - Có triển khai thực hiện đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên. - Không triển khai. <i>* Kiểm tra quyết định phê duyệt và quyết định nghiệm thu đề tài NCKH, thuyết minh đề cương và báo cáo đề tài. Chỉ tính các đề tài đã được nghiệm thu và các đề tài đang triển khai đúng tiến độ.</i>	0.5 0.5 0	0.5	
15.2	Áp dụng các mô hình hiệu quả hoặc các kết quả nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước trong triển khai công tác y tế tại địa phương - Có áp dụng. - Không áp dụng. <i>* Kiểm tra các thông tin liên quan đến tài liệu gốc như mô hình hiệu quả, các bài báo khoa học liên quan đăng tải trong các tạp chí, Kỷ yếu hội nghị khoa học...</i>	0.5 0.5 0	0	
15.3	Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài triển khai các hoạt động y tế dự phòng trên địa bàn	1.5	0	

	Kiểm tra hợp đồng, biên bản thỏa thuận, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch			
--	--	--	--	--

Kết quả kiểm tra:

- Điểm chuẩn của đơn vị: 60điểm
- Điểm đơn vị tự chấm: 51,15/60 điểm
- Điểm kiểm tra :.....Tỷ lệ phần trăm đạt:.....%